

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý  
chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 362/TTr-STNMT ngày 12 tháng 10 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

*(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Y tế;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các cơ sở Y tế trên địa bàn tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Tiến**

**KẾ HOẠCH**

**Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại  
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**  
(Kèm theo Quyết định số *2186*/QĐ-UBND ngày *9*/10/2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

**A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**I. Mục đích**

- Triển khai thực hiện các quy định về công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
- Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải y tế nguy hại, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự phát triển kinh tế-xã hội bền vững của tỉnh.

**II. Yêu cầu**

- Các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại; công trình xử lý chất thải y tế nguy hại phải đáp ứng yêu cầu theo quy định;
- Các cơ sở y tế phải bố trí nguồn lực đảm bảo thực hiện tốt công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại của cơ sở.

**B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

**I. TỔNG QUAN VỀ CÁC CƠ SỞ Y TẾ, CHẤT THẢI Y TẾ VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

**1.1. Tổng quan về các cơ sở y tế (CSYT) trên địa bàn tỉnh**

**1.1.1. Tuyển tỉnh**

Trên địa bàn tỉnh có tất cả 12 đơn vị y tế cấp tỉnh. Trong đó:

- Hệ điều trị: Có 05 bệnh viện với tổng số 870 giường (*Bệnh viện Đa khoa tỉnh: 500 giường; Bệnh viện Y - Dược cổ truyền: 120 giường, Bệnh viện Lao và bệnh Phổi: 120 giường, Bệnh viện Phục hồi chức năng: 80 giường, Bệnh viện Mắt: 50 giường*);

- Hệ Y tế dự phòng: 03 đơn vị;

- Các đơn vị chuyên ngành: 04 đơn vị.

**1.1.2. Tuyển huyện**

Trên địa bàn tỉnh có tất cả 52 đơn vị y tế cấp huyện với tổng số giường bệnh 1.785 giường. Trong đó:

- Hệ dự phòng có 11 trung tâm y tế các huyện, thành phố;
- Hệ điều trị là các CSYT trực tiếp khám chữa và điều trị bệnh cho người dân, gồm 11 Bệnh viện đa khoa (BVĐK) tuyến huyện với tổng số 1.540 giường bệnh;
- Đơn vị chuyên ngành gồm 11 trung tâm tâm Dân số - KHHGD (Trực thuộc Chi cục DS - KHHGD);
- Phòng khám đa khoa khu vực (PKĐKKV) có 19 cơ sở với tổng số 245 giường bệnh.

### **1.1.3. Tuyến xã**

Toàn tỉnh có 177 Trạm y tế (TYT) xã/phường/thị trấn với tổng số 521 giường bệnh, đơn vị quản lý trực tiếp là Trung tâm y tế các huyện/thành phố. Trong đó: Thành phố có 8 TYT; huyện Bắc Quang có 21 TYT; huyện Vị Xuyên có 23 TYT; huyện Quang Bình có 14 TYT; huyện Xín Mần có 18 TYT; huyện Hoàng Su Phì có 22 TYT; huyện Bắc Mê có 11 TYT; huyện Yên Minh có 16 TYT; huyện Quản Bạ có 11 TYT; huyện Đồng Văn có 17 TYT; huyện Mèo Vạc có 16 TYT.

### **1.1.4. Cơ sở y tế tư nhân**

Đến cuối năm 2017, trên địa bàn toàn tỉnh Hà Giang có 80 cơ sở hành nghề Y tế tư nhân (trừ các phòng chuẩn trị y học cổ truyền; cơ sở dịch vụ đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; cơ sở dịch vụ hỗ trợ vận chuyển; cơ sở dịch vụ làm răng giả). Trong đó, thành phố Hà Giang có 39 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân (01 bệnh viện tư nhân, 04 phòng khám đa khoa và 34 phòng khám chuyên khoa), huyện Bắc Quang có 12 phòng khám tư nhân (04 phòng khám đa khoa và 08 phòng khám chuyên khoa), huyện Vị Xuyên có 09 phòng khám tư nhân (09 phòng khám chuyên khoa), các phòng khám tư nhân còn lại thuộc các huyện Quang Bình, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Đồng Văn, Mèo Vạc, Bắc Mê, Yên Minh và Quản Bạ.

Trong các cơ sở y tế tư nhân, có Bệnh viện đa khoa Đức Minh (được thành lập vào tháng 05/2017, sau khi chuyển đổi từ Phòng khám đa khoa Đức Minh) có quy mô 35 giường bệnh; các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân còn lại chỉ khám chữa bệnh (chẩn đoán, siêu âm, khám răng...), không điều trị lâu ngày và không có giường bệnh.

## **1.2. Số lượng, loại chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh**

### **1.2.1. Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế**

Theo số liệu kết quả điều tra phân loại, xác định khối lượng, thành phần chất thải y tế nguy hại (CTYT/NH) phát sinh thực tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh có tổng khối lượng chất thải rắn y tế (CTRYT) là 2.463,36 kg/ngày; trong đó, có 414,33 kg CTYT/NH/ngày (chiếm 16,82%) và 2.049,03 kg chất thải rắn y tế thông thường (CTYTTT)/ngày (chiếm 83,18%).

Bảng 1- Khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang:

TT	Tuyến cơ sở y tế	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
		CTYT TT	CTYTNH	Tổng CTRYT
1	Cơ sở y tế tuyến tỉnh	680,20	126,81	807,01
2	Cơ sở y tế tuyến huyện	1.160,82	211,48	1.372,30
3	Cơ sở y tế tuyến xã	182,21	69,13	251,34
4	Cơ sở y tế tư nhân	25,80	6,91	32,71
<b>Tổng</b>		<b>2.049,03</b>	<b>414,33</b>	<b>2.463,36</b>

### 1.2.2. Loại chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế

Kết quả điều tra, thống kê cho thấy, CTYTNH phát sinh tại các CSYT trên địa bàn tỉnh, phân loại theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, có thành phần và tỷ lệ % như sau:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn chiếm tỷ lệ 41,24%;
- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn chiếm tỷ lệ 47,78%;
- Chất thải giải phẫu chiếm tỷ lệ 2,59%;
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn chiếm tỷ lệ 7,59%;
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng chiếm tỷ lệ 0,8%.

### 1.3. Hiện trạng công tác quản lý và năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh

#### 1.3.1. Hiện trạng công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh

##### 1.3.1.1. Công tác thu gom, phân loại chất thải y tế nguy hại:

Hầu hết các CSYT đều phân loại CTYTNH tại nguồn và tại nơi phát sinh chất thải theo quy định, bố trí bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế để phục vụ công tác thu gom, phân loại. Một số cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến xã, tư nhân không phân loại chất thải theo các thành phần quy định, bố trí thiết bị thu gom không tuân thủ đúng quy định và chưa đảm bảo an toàn. Ở các CSYT tuyến xã, lượng chất thải phát sinh là ít nên việc tuân thủ các quy định về phân loại chất thải y tế còn sơ sài.

##### 1.3.1.2. Công tác vận chuyển nội bộ chất thải y tế nguy hại:

Các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện, khối lượng CTYTNH phát sinh nhiều, đã được trang bị xe đẩy tay để vận chuyển CTYTNH. Các CSYT còn lại áp dụng phương thức vận chuyển thủ công (xách tay) CTYTNH từ nơi phát sinh đến khu vực lưu giữ, xử lý. Nhân lực tham gia vận chuyển chất thải y tế đã được trang bị phương tiện bảo hộ lao động.

##### 1.3.1.3. Công tác lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

- Tại các CSYT tuyến tỉnh:

Có 10 cơ sở y tế phát sinh CTNH, trong đó: 06 cơ sở y tế có khu vực lưu giữ chất thải y tế riêng biệt, 04 CSYT không xây khu riêng biệt, chỉ lưu giữ tạm ở sân bê tông có mái che và tường gạch bao quanh hoặc trong khu vực bệnh viện hoặc trung tâm; chỉ có BVĐK tỉnh Hà Giang và Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh Hà Giang đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ chất thải y tế, các CSYT còn lại, một số yêu cầu hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo.

Các dụng cụ, thiết bị lưu giữ CTYTNH tại khu lưu giữ chất thải trong các CSYT cấp tỉnh đa số đã tuân thủ theo quy định tại Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BNTMT; tuy nhiên, có 04/12 cơ sở (*Trung tâm pháp y tỉnh, Trung tâm kiểm nghiệm, Trung tâm phòng chống sốt rét - ký sinh trùng và côn trùng, Bệnh viện phục hồi chức năng*) sử dụng túi nilon để lưu giữ chất thải không đạt yêu cầu theo quy định, nhà lưu trữ chất thải không có biển chỉ dẫn, hiện trạng xuống cấp cần được cải tạo lại.

- Tại các CSYT tuyến huyện: Có 16/52 cơ sở có khu lưu giữ riêng biệt; 11 bệnh viện đa khoa tuyến huyện và 05 cơ sở (*Trung tâm y tế huyện thành phố Hà Giang, Trung tâm y tế huyện Quản Bạ, PKĐKV Đông Hà (Quản Bạ), PKĐKV Xuân Giang (Quang Bình), PKĐKV Bạch Ngọc (Vị Xuyên)*) có khu vực lưu giữ CTYTNH đã tuân thủ theo đúng yêu cầu kỹ thuật; các CSYT tuyến huyện còn lại (*09 trung tâm y tế huyện, 16 PKĐKKV, 11 Trung tâm DS-KHHGD huyện/thành phố*) chưa tuân thủ theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Tại các CSYT tuyến xã: Các trạm y tế không có khu vực lưu giữ CTYTNH riêng biệt. CTYTNH phát sinh tại trạm y tế được phân loại, lưu giữ tạm trong hộp an toàn, túi nilon hoặc thùng carton trong phòng khám bệnh, đến cuối ngày vận chuyển chất thải đi đốt hoặc đưa đi xử lý; có 24/177 trạm y tế lưu giữ CTYTNH tại lò đốt rác hoặc khu vực riêng biệt nằm trong khuôn viên trạm y tế.

### **1.3.2. Hiện trạng năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh:**

- Hiện nay, tại các bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, cấp huyện đã đầu tư hệ thống xử lý CTRYT bằng công nghệ đốt và công nghệ không đốt (*ma sát ẩm, nghiền, ...*) để xử lý tại chỗ CTRYT; các công trình thiết bị xử lý CTYTNH đều đặt trong khuôn viên của các bệnh viện;

- Tại các CSYT tuyến xã: Có 13/177 trạm y tế không tự xử lý chất thải tại chỗ, các cơ sở này thuê đơn vị khác xử lý; Có 162/177 CSYT tự xử lý chất thải bằng phương pháp đốt (*lò đốt thủ công bằng gạch hoặc bằng xi măng*); trạm y tế xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc xử lý CTYTNH bằng phương pháp đốt tự nhiên; trạm y tế xã Đản Ván, huyện Hoàng Su Phì xử lý CTYTNH bằng phương pháp đốt trong lò đốt chung của xã;

- Tại các CSYT tư nhân: Trong tổng số 80 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, có 58 phòng khám phát sinh rất ít chất thải, 22 phòng khám tư nhân không phát sinh CTYTNH, chỉ phát sinh chất thải y tế thông thường; các cơ sở không đầu tư hệ thống xử lý chất thải mà chủ yếu là thuê đơn vị khác xử lý.

Công nghệ xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện có thể xử lý được nhiều loại chất thải y tế như bông băng; vật liệu làm từ cotton và cotton cellulose, ống kim tiêm, ống dây dẫn truyền dịch; ống thông (*bàng quang, tĩnh mạch, động mạch, ...*); các bộ lọc thẩm tách; lọ và ống tiêm dùng 1 lần hoặc ống tiêm đa năng; Găng tay y tế dùng 1 lần hoặc nhiều lần; các túi nhựa dùng 1 lần; các chất thải dùng trong phẫu thuật; rác thải từ thức ăn ít nước; các loại băng gạc và bông y tế, túi truyền máu, túi truyền dịch, túi truyền chất dinh dưỡng; các loại phim chụp, lọ nhựa, lọ thủy tinh, ... Các loại chất thải y tế phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đều nằm trong khả năng xử lý của các hệ thống xử lý tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện.

Bảng 2- Hiện trạng công nghệ xử lý chất thải y tế nguy hại tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện trên địa bàn tỉnh Hà Giang:

TT	Tên cơ sở y tế	Khối lượng CTYTNH phát sinh (kg/ngày)	Công nghệ xử lý, công suất	Năng lực xử lý CTRYTNH trong 8 giờ (kg)	Khả năng tiếp nhận CTRYTNH từ các cơ sở y tế khác (kg)
1 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa Khoa tỉnh Hà Giang	100	Công nghệ máy STERIL WAVE 250 công suất 25 - 30 kg/giờ	240	140
2	Bệnh viện phục hồi chức năng	11,5	Không tự xử lý	-	-
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	6,5	Lò đốt CP10, công suất 10 – 15kg/giờ	120	113,5
4	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	0,55	Không tự xử lý	-	-
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	6,5	Lò đốt CP10, công suất 10 – 15kg/giờ	120	113,5
6 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	18,75	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	181,25
7 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang	48	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	152
8 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	7,5	Lò đốt CP10, công suất 10-15 kg/giờ	120	112,5
9 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	13	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	187
10 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa	2	Lò đốt thủ công,	24	22

TT	Tên cơ sở y tế	Khối lượng CTYTNH phát sinh (kg/ngày)	Công nghệ xử lý, công suất	Năng lực xử lý CTRYTNH trong 8 giờ (kg)	Khả năng tiếp nhận CTRYTNH từ các cơ sở y tế khác (kg)
	khoa Nà Chì		công suất 3 kg/giờ		
11 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Su Phì	13,5	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	186,5
12 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê	5,3	NEWSTER NW5L 13 kg/giờ	54	48,7
13 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	17	Lò đốt CHUWASTAR FE-15, công suất 15-20 kg/giờ	120	103
14 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	30	NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ	200	170
15 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn	5,2	Lò đốt CHUWASTAR FE-15, công suất 15-20 kg/giờ	160	154,3
16 <sup>(*)</sup>	Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc	21	Đốt thủ công trong hố bê tông, công suất 5 kg/giờ	40	19
<b>Tổng<sup>(*)</sup></b>				<b>1.998</b>	<b>1.476,25</b>

(Ghi chú: Dấu <sup>(\*)</sup> là các bệnh viện xử lý CTYTNH theo các cụm – chi tiết mục 2.1.1)

Theo khối lượng, năng lực xử lý CTYT của 12 bệnh viện (dấu <sup>(\*)</sup>) ở trên trong trường hợp hệ thống xử lý hoạt động 8h/ngày là 1.998 kg/ngày, khả năng tiếp nhận CTRYTNH từ các cơ sở y tế khác của 12 bệnh viện là 1.476,25 kg/ngày đủ khả năng xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, một số lò đốt thủ công hiệu suất xử lý không cao, không đảm bảo môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân xung quanh, cần được đầu tư mới các hệ thống xử lý theo công nghệ không đốt trong thời gian tới gồm: Bệnh viện đa khoa Nà Chì, Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình, Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ, Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc.

## **II. KẾ HOẠCH THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

### **2.1. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Hà Giang sẽ tiến hành xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế và xử lý tại chỗ, cụ thể:

#### **2.1.1. Đối với các cơ sở xử lý theo mô hình cụm**

Chất thải y tế của một cụm CSYT được thu gom và xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở trong cụm. Các CSYT không có hệ thống, thiết bị xử lý CTYT/NH theo quy định sẽ vận chuyển chất thải y tế của cơ sở mình đến cơ sở tiếp nhận xử lý trong cụm.

Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, gồm 12 cụm:

##### **2.1.1.1. Cụm 1:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang, Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang.

- Năng lực xử lý: Khử khuẩn CTYT/NH bằng công nghệ Vi sóng tích hợp nghiền cắt trong cùng khoang xử lý STERIL WAVE 250 công suất 25 - 30 kg/giờ (đã đầu tư tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang) và đề xuất sử dụng công nghệ ma sát ẩm NEWSTER NW5 công suất 13 kg/giờ (tại Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang).

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYT/NH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYT/NH cho các CSYT trên địa bàn gồm:

+ Bệnh viện Mắt, Bệnh viện đa khoa Đức Minh, các bệnh viện, trung tâm y tế, TYT xã, phường và các CSYT tư nhân trên địa bàn TP. Hà Giang;

+ TYT xã và các CSYT khác tại các xã Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phương Tiến, Phong Quang, Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh thuộc huyện Vị Xuyên;

+ TYT xã và các CSYT khác tại các xã Minh Sơn, Yên Định, PKĐK khu vực xã Minh Ngọc thuộc huyện Bắc Mê.

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm đối với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang; Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Hà Giang; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn TP. Hà Giang.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm đối với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang; Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Hà Giang; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện đa khoa Đức Minh; các bệnh viện khác; Trung tâm y tế thành phố; PKĐK khu vực xã Minh Ngọc và các



cơ y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.2. Cụm 2:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên.

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát âm (*NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ*).

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm y tế huyện, PKĐK khu vực, TYT xã/thị trấn và các CSYT tư nhân trên địa bàn huyện Vị Xuyên (*trừ các xã thuộc cụm 1*).

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với một số cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Vị Xuyên.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với một số cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên; Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Ngọc và các cơ sở y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.3. Cụm 3:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang.

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát âm (*NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ*).

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế, PKĐK khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT tư nhân trên địa bàn huyện Bắc Quang.

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với một số cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Việt Quang.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với một số cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang; Trung tâm y tế huyện Bắc Quang; Phòng khám đa khoa khu vực xã Liên Hiệp; Phòng khám đa khoa khu vực xã Đồng Yên và các cơ sở y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.4. Cụm 4:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình.
- Năng lực xử lý hiện tại: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ đốt (*Lò đốt CP10, công suất xử lý 10-15 kg/giờ*).
- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ.
- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế huyện, PKĐK khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Quang Bình.
- Phân kỳ thực hiện:
  - + Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Yên Bình.
  - + Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình; Trung tâm y tế huyện Quang Bình; Phòng khám đa khoa khu vực xã Xuân Giang và các cơ sở y tế tư nhân.
  - + Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.5. Cụm 5:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần.
- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (*NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ*).
- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: Trung tâm y tế huyện, PKĐK khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Xín Mần (*trừ các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên*).
- Phân kỳ thực hiện:
  - + Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Cốc Pài.
  - + Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần; Trung tâm y tế huyện Xín Mần; Phòng khám đa khoa khu vực xã Ngán Chiên, các cơ sở y tế tư nhân.
  - + Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.6. Cụm 6:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa Nà Chì.

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát âm NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ.

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: TYT các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên thuộc huyện Xín Mần.

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa Nà Chì; TYT xã Nà Chì.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.7. Cụm 7:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Su Phì.

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát âm (*NEWSTER NW5 công suất xử lý 25 kg/giờ*).

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: Trung tâm y tế huyện, PKĐK khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì.

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Su Phì; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Vinh Quang.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Su Phì; Trung tâm y tế huyện Hoàng Su Phì; Phòng khám đa khoa khu vực xã Chiến Phố; Phòng khám đa khoa khu vực xã Thông Nguyên; Phòng khám đa khoa khu vực xã Nậm Dịch và các cơ sở y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.8. Cụm 8:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê.

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát âm NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ.

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: Trung tâm y tế huyện, PKĐK khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Bắc Mê (*trừ xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc*).

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Yên Phú.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê; Trung tâm y tế huyện Bắc Mê; Phòng khám đa khoa khu vực xã Đường Âm và các cơ sở y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

2.1.1.9. Cụm 9:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ.

- Năng lực xử lý hiện tại: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ đốt (*Lò đốt CHUWASTAR FE-15, công suất 15-20 kg/giờ*).

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm - NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ.

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: Trung tâm y tế huyện, PKĐK khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Quản Bạ.

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm đối với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Tam Sơn thực hiện xử lý theo mô hình cụm.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm đối với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ; Trung tâm y tế huyện Quản Bạ; Phòng khám đa khoa khu vực xã Tùng Vài; Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà và các cơ sở y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

2.1.1.10. Cụm 10:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh.

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (*NEWSTER NW5 công suất xử lý 25 kg/giờ*).

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: Trung tâm y tế, PKĐL khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Yên Minh; TYT xã, các CSYT tư nhân trên địa bàn các xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Vân Chải thuộc huyện Đồng Văn.

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Yên Minh.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh; Trung tâm y tế huyện Yên Minh; Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích; Phòng khám đa khoa khu vực xã Lũng Hồ; Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ và các cơ sở y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.11. Cụm 11:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn;

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát âm NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ.

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: Trung tâm y tế, PKĐK khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Đồng Văn (*trừ các xã nêu tại Cụm 10 và Cụm 12*); TYT xã, các CSYT khác trên địa bàn xã Pải Lũng huyện Mèo Vạc.

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thí điểm thực hiện xử lý thu gom, vận chuyển, theo mô hình cụm đối với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Đồng Văn.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thí điểm thực hiện xử lý thu gom, vận chuyển, theo mô hình cụm đối với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn; Trung tâm y tế huyện Đồng Văn; Phòng khám đa khoa khu vực thị trấn Phó Bảng và các cơ sở y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

#### 2.1.1.12. Cụm 12:

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc;

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát âm - NEWSTER NW5 công suất xử lý 25 kg/giờ.

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các CSYT gồm: Trung tâm y tế, PKĐK khu vực, TYT các xã/thị trấn và các CSYT tư nhân trên địa bàn huyện Mèo Vạc (*trừ các xã nêu tại Cụm 11*); PKĐK khu vực xã Lũng Phìn, TYT xã và các CSYT tư nhân trên địa bàn xã Hồ Quảng Phìn, Sủng Trái thuộc huyện Đồng Văn.

- Phân kỳ thực hiện:

+ Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô

hình cụm đối với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc; các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Mèo Vạc.

+ Giai đoạn 2020-2025: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo mô hình cụm đối với các cơ sở: Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc; Trung tâm y tế huyện Mèo Vạc; Phòng khám đa khoa khu vực xã Lũng Phìn; Phòng khám đa khoa khu vực xã Xín Cái; Phòng khám đa khoa khu vực xã Niêm Sơn và các cơ sở y tế tư nhân.

+ Giai đoạn sau 2025: Thực hiện xử lý theo mô hình cụm đối với tất cả các cơ sở trong cụm.

### **2.1.2. Đối với các cơ sở xử lý tại chỗ**

Áp dụng mô hình xử lý tại chỗ đối với Trung tâm phòng chống HIV/AIDS và Bệnh viện Y - Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang.

## **2.2. Phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm trên địa bàn tỉnh**

### **2.2.1. Phương thức thu gom, lưu giữ chất thải y tế nguy hại**

Các cơ sở y tế thực hiện thu gom, lưu giữ chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư liên tịch số 58/TTLT-BYT-BTNMT.

### **2.2.2. Phương thức vận chuyển chất thải y tế nguy hại**

Việc vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở trong cụm đến cơ sở xử lý cho cụm theo phương thức cơ sở y tế trong cụm tự vận chuyển.

Phương tiện vận chuyển: Để phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh, sử dụng xe máy có gắn các thùng bảo ôn (đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 58/TTLT-BYT-BTNMT) để vận chuyển.

### **2.2.3. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế phân bổ cho Sở Y tế hoặc vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hoặc các nguồn hỗ trợ khác như ODA (nếu có);

Nguồn kinh phí thu từ các cơ sở y tế xử lý theo mô hình cụm;

Nguồn kinh phí thường xuyên, nguồn kinh phí tự chủ của các đơn vị.

## **2.3. Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh**

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
<b>I</b>	<b>Các cụm xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh</b>				
1	Cụm 1: BVĐK tỉnh Hà	Phường Minh Khai	25 – 30 kg/h	TP Hà Giang; huyện Vị Xuyên (Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân,	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
	Giang; Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Hà Giang			Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phương Tiến, Phong Quang, Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh), huyện Bắc Mê (xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc)	chuyên
2	Cụm 2: BVĐK huyện Vị Xuyên	Tổ 10, TT Vị Xuyên	25 kg/h	Huyện Vị Xuyên (trừ xã trên cụm 1)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
3	Cụm 3: BVĐK huyện Bắc Quang	Tổ 1, TT Việt Quang	25 kg/h	Huyện Bắc Quang	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
4	Cụm 4: BVĐK huyện Quang Bình	Tổ 5, TT Yên Bình	10 – 15 kg/h	Huyện Quang Bình	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
5	Cụm 5: BVĐK huyện Xín Mần	Tổ 4, TT Cốc Pài	25 kg/h	Huyện Xín Mần (trừ xã thuộc cụm 6)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
6	Cụm 6: BVĐK Nà Chì	xã Nà Chì	13 kg/h	Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
7	Cụm 7: BVĐK huyện Hoàng Su Phì	Tổ 3, TT Vinh Quang	25 kg/h	Huyện Hoàng Su Phì	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
8	Cụm 8: BVĐK huyện Bắc Mê	Tổ 1, TT Yên Phú	13 kg/h	Huyện Bắc Mê (trừ xã trên cụm 1)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
9	Cụm 9: BVĐK huyện Quán Bạ	Tổ 4, TT Tam Sơn	15 – 20 kg/h	Huyện Quán Bạ	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
10	Cụm 10: BVĐK huyện Yên Minh	Tổ 6, TT Yên Minh	25 kg/h	Huyện Yên Minh; huyện Đồng Văn (xã Phó Cáo, Lũng Thầu, Văn Chải)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
11	Cụm 11: BVĐK huyện Đồng Văn	Tổ 7, TT Đồng Văn	13 kg/h	Huyện Đồng Văn (trừ các xã Cụm 10, 12); huyện Mèo Vạc (xã Pải Lũng )	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
12	Cụm 12: BVĐK huyện Mèo Vạc	Tổ 5, TT Mèo Vạc	25 kg/h	Huyện Mèo Vạc; huyện Đồng Văn (xã Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trái)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
<b>II</b>	<b>Đơn vị tự xử lý</b>				
1	Bệnh viện Y-Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	Tổ 8, Quang Trung	10 – 15 kg/h	Tại cơ sở	Cơ sở tự thu gom
2	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Tổ 7, Quang Trung	7 kg/h	Tại cơ sở	Cơ sở tự thu gom

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 3.1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh: Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định; cân đối, bố trí đảm bảo kinh phí và nhân lực để thực hiện quản lý chất thải y tế nguy hại theo quy định.

- Hướng dẫn, theo dõi, thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý và xử lý chất thải y tế nguy hại của các cơ sở y tế theo thẩm quyền.

- Tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 16 Thông tư số 58/2015/TT-BYT-BTNMT.

#### 3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường và quản lý chất thải của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.



### **3.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Tham mưu cho UBND tỉnh phương án cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương hàng năm cho công trình, dự án quản lý chất thải y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **3.4. Sở Tài chính**

- Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp y tế phân bổ cho Sở Y tế hỗ trợ các cơ sở y tế trong công tác xử lý chất thải y tế nguy hại;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **3.5. Công an tỉnh**

Thực hiện công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm trong việc thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

### **3.6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn;

- Tổ chức truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế và các đối tượng liên quan trên địa bàn quản lý. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất thải y tế của các cơ sở y tế trên địa bàn quản lý.

### **3.7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế**

- Thực hiện quản lý chất thải y tế nguy hại theo nội dung Kế hoạch này và các văn bản pháp luật liên quan khác;

- Phân công lãnh đạo, khoa, phòng, cán bộ phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế của cơ sở;

- Đầu tư trang thiết bị thu gom, vận chuyển và lưu giữ chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định;

- Lập và ghi đầy đủ thông tin vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định;

- Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế;

- Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 16 Thông tư số 58/2015/TT-BYT-BTNMT.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh, kiến nghị gửi về Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh Kế hoạch./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Tiến**